TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Số: 14/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc** *Mộ Đức, ngày 02 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2018; giữa: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn B, cùng địa chỉ: Thôn Phước An, xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N và anh Binh thống nhất giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Kim H, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Ngọc Yến T, sinh ngày 16/12/2013 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh B cấp dưỡng cho con mỗi cháu một tháng 1.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 22/02/2018. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có

2.5. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0000960, ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Hoàn trả cho chị N 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh B phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đức Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Vương